TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 – 11 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 461/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc "tranh chấp ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 469/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Diễm M, sinh năm 1995; nơi cư trú: Ấp P, xã N, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Huỳnh Chí Đ, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp P, xã N, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Diễm M và anh Huỳnh Chí Đ chung sống với nhau vào năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống, anh Đ không quan tâm, lo lắng cho gia đình, thường xuyên uống rượu và nhiều lần dọa đánh chị M. Từ nguyên nhân trên, các đương sự xác định không thể hàn gắn chung sống trở lại nên đồng ý ly hôn với nhau.

Quá trình chung sống, các đương sự có 02 người con chung gồm Huỳnh Đăng K, sinh ngày 19/11/2012 và Huỳnh Nguyên Kh, sinh ngày 24/8/2015 do chị M đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, các đương sự thỏa thuận giao Đăng K cho chị M và giao Nguyên Kh cho anh Đ nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra.

Về tài sản chung: Có 01 chiếc xe mô tô biển số 69F1 – 563.64 do chị M đứng tên. Khi ly hôn các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Diễm M và anh Huỳnh Chí Đ chung sống với nhau vào năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, các đương sự xác định, khi về chung sống, anh Đ không quan tâm, lo lắng cho gia đình, thường xuyên uống rượu về dọa đánh chị M. Từ nguyên nhân trên, các đương sự đồng ý ly hôn với nhau.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *"Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng..."*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến các đương sự đồng ý ly hôn với nhau mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về con chung:

Xét việc thỏa thuận nuôi con giữa các đương sự là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của Huỳnh Đăng K nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận và các vấn đề khác: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Diễm M và anh Huỳnh Chí Đ.

2. Về con chung: Giao Huỳnh Đăng K, sinh ngày 19/11/2012 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng và giao Huỳnh Nguyên Kh, sinh ngày 24/8/2015 cho anh Đ nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng không đặt ra. Chị M có nghĩa vụ giao Nguyên Khôi lại cho anh Đ nuôi dưỡng. Các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị M phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011103 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị M đã nộp xong).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn